

Bài tập câu ước

Cấu trúc **If only** (giá như) có cách dùng và chia thì tương tự như **cấu trúc wish**, nhưng mang sắc thái nhấn mạnh sự tiếc nuối hoặc mong muốn mãnh liệt hơn. Cùng khám phá kho **bài tập câu ước** kèm đáp án chi tiết được **ELSA Speak** tổng hợp ngay sau đây!

Bài tập 1: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc.....	3
Bài tập 2: Trắc nghiệm chọn đáp án đúng A, B, C, D.....	4
Bài tập 3: Viết lại câu sao cho nghĩa không đổi.....	8
Bài tập 4: Tìm và sửa lỗi sai trong câu.....	10
Bài tập 5: Chia động từ trong đoạn văn (Nâng cao).....	12

Bài tập 1: Chia dạng đúng của động từ trong ngoặc

1. I wish I (be) _____ taller to play basketball.
2. She wishes she (not/buy) _____ that expensive dress yesterday.
3. I wish it (stop) _____ raining soon so we can go out.
4. My father wishes he (learn) _____ English when he was young.
5. I wish I (know) _____ his phone number now.
6. They wish they (can/visit) _____ Paris next summer.
7. He wishes he (be) _____ a millionaire.
8. I wish my neighbors (not/make) _____ so much noise at night.
9. She wishes she (submit) _____ her application on time last week.
10. I wish I (have) _____ more time to sleep.
11. The students wish the exam (be) _____ easier tomorrow.
12. Tom wishes he (not/lose) _____ his wallet.
13. I wish I (can/speak) _____ Spanish fluently.
14. Mary wishes her boyfriend (call) _____ her more often.
15. I wish I (not/eat) _____ so much seafood last night. I feel sick.
16. We wish we (live) _____ in a bigger house.
17. I wish you (not/leave) _____ your clothes on the floor. It's annoying!
18. He wishes he (invite) _____ to the party last Sunday.
19. I wish today (be) _____ Sunday.
20. I wish I (meet) _____ Dr. Strange in real life.

Đáp án bài tập 1

Câu	Đáp án	Giải thích
1	were	Ước trái với hiện tại (be thành were).
2	hadn't bought	Ước trái với quá khứ (yesterday).
3	would stop	Ước thay đổi trong tương lai (soon).
4	had learned	Ước trái với quá khứ (when he was young).
5	knew	Ước trái với hiện tại (now).
6	could visit	Ước khả năng trong tương lai (next summer).
7	were	Ước trái với hiện tại.
8	wouldn't make	Phàn nàn về thói quen (make noise)
9	had submitted	Ước trái với quá khứ (last week).
10	had	Ước trái với hiện tại.
11	would be	Ước cho tương lai (tomorrow).
12	hadn't lost	Ước trái với quá khứ (sự việc đã xảy ra).
13	could speak	Ước về khả năng ở hiện tại.
14	would call	Mong muốn thay đổi hành động của người khác.
15	hadn't eaten	Hối tiếc về quá khứ (last night).
16	lived	Ước trái với hiện tại.
17	wouldn't leave	Phàn nàn về thói quen xấu gây khó chịu.
18	had been invited	Ước trái với quá khứ (bị động).
19	were	Ước trái với hiện tại.
20	met	Ước trái với hiện tại (điều không thể xảy ra).

Bài tập 2: Trắc nghiệm chọn đáp án đúng A, B, C, D

1. I wish I _____ help you, but I am really busy right now.
A. can
B. could
C. will
D. would
2. She wishes she _____ the train yesterday.
A. didn't miss
B. hasn't missed
C. hadn't missed
D. wouldn't miss
3. I wish the sun _____ shine. I want to go to the beach.
A. will
B. would
C. can
D. is
4. He wishes he _____ a doctor in the future.
A. becomes
B. became
C. will become
D. could become
5. If only I _____ closer to the office.
A. live
B. lived
C. am living
D. will live
6. I wish I _____ swim.
A. can
B. could
C. will
D. am able to
7. It's raining cats and dogs. I wish I _____ my umbrella.
A. bring
B. brought
C. had brought
D. bringing
8. I wish you _____ stop smoking. It's bad for your health.
A. would

- B. will
- C. can
- D. are

9. She wishes she _____ enough money to buy that car.

- A. has
- B. have
- C. had
- D. had had

10. I wish I _____ at the beach right now instead of sitting in this office.

- A. am
- B. was
- C. were
- D. have been

11. He wishes he _____ stricter with his children. They are very naughty now.

- A. is
- B. was
- C. had been
- D. has been

12. I wish I _____ the answer to this question.

- A. know
- B. knowing
- C. knew
- D. known

13. My mom wishes my dad _____ work so late.

- A. doesn't
- B. didn't
- C. wouldn't
- D. won't

14. I wish I _____ seen that horror movie. It was terrifying.

- A. didn't
- B. haven't
- C. hadn't
- D. wouldn't

15. If only he _____ here to help us.

- A. is
- B. were
- C. will be
- D. would be

16. They wish they _____ to the meeting last week.

- A. went
- B. go
- C. have gone
- D. had gone

17. I wish I _____ taller.

- A. am
- B. be
- C. were
- D. will be

18. She wishes she _____ solve this problem.

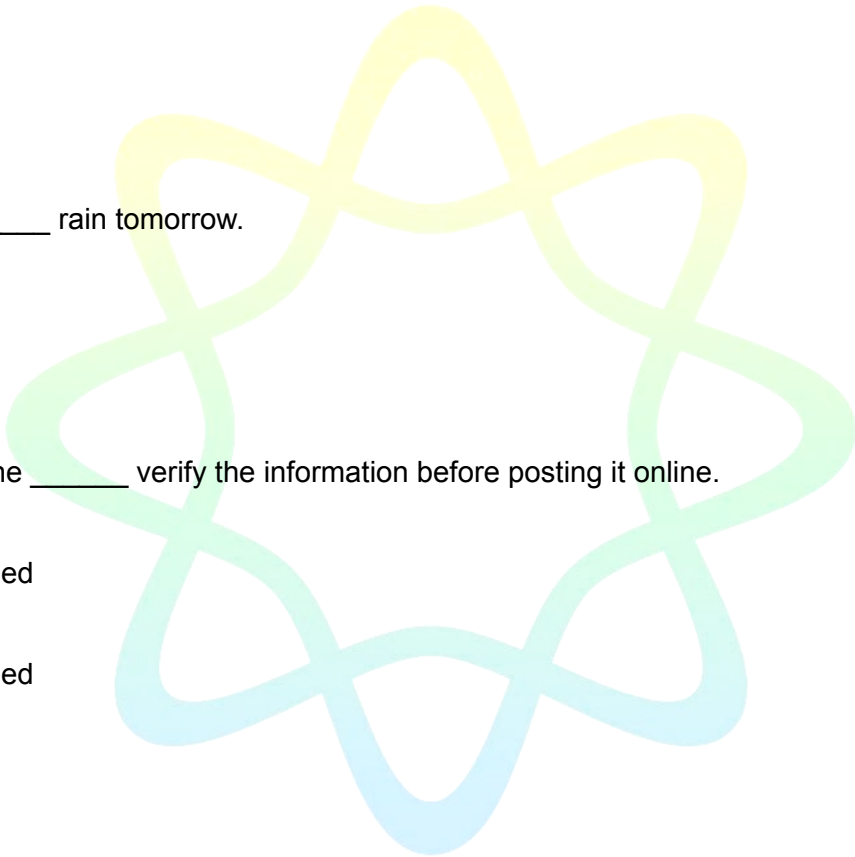
- A. can
- B. could
- C. will
- D. may

19. I wish it _____ rain tomorrow.

- A. doesn't
- B. didn't
- C. won't
- D. wouldn't

20. He wishes he _____ verify the information before posting it online.

- A. verified
- B. had verified
- C. verifies
- D. has verified



Đáp án bài tập 2

Câu	Đáp án	Giải thích
1	B	Ước khả năng ở hiện tại (could).
2	C	Yesterday
3	B	Mong muốn thay đổi sự việc (would).
4	D	In the future sử dụng Could + V (khả năng tương lai).
5	B	Ước hiện tại (lived).
6	B	Ước về khả năng (could).
7	C	Hối tiếc vì đã không mang (quá khứ).
8	A	Phàn nàn/mong muốn thay đổi thói quen (would).
9	C	Ước hiện tại (had).
10	C	Ước hiện tại, to be thành were.
11	C	Hối tiếc về cách dạy con trong quá khứ
12	C	Ước hiện tại (knew).
13	C	Phàn nàn về thói quen (work late)
14	C	Hối tiếc quá khứ (hadn't).
15	B	Ước hiện tại (were).
16	D	Last week dùng quá khứ hoàn thành (had gone).
17	C	Ước hiện tại (were).
18	B	Khả năng (could).
19	D	Tomorrow là tương lai (would).
20	B	Hối tiếc vì đã đăng bài mà không kiểm tra (đã xảy ra)

Bài tập 3: Viết lại câu sao cho nghĩa không đổi

1. I don't have a car.

→ I wish

_____.

2. It's a pity I didn't study harder for the test.

→ I wish

_____.

3. She is not here with me.

→ I wish

_____.

4. I cannot play the piano.

→ I wish

_____.

5. It is raining heavily.

→ I wish

_____.

6. I missed the bus this morning.

→ I wish

_____.

7. He speaks too loudly.

→ I wish

_____.

8. I am sorry I told him the secret.

→ I wish

_____.

9. I won't be able to go to your party.

→ I wish

_____.

10. My house is very small.

→ I wish

_____.

11. I regretted buying this old laptop.

→ I wish

_____.

12. I have to work on Sunday.

→ I wish

_____.

13. She doesn't know how to swim.

→ She wishes

_____.

14. It's a shame we can't travel abroad this year.

→ We wish

_____.

15. He keeps interrupting me.

→ I wish

_____.

16. I didn't wake up early enough to see the sunrise.

→ I wish

_____.

17. I am not good at Math.

→ I wish

_____.

18. They made a lot of mistakes in the report.

→ They wish

_____.

19. I don't know where she lives.

→ I wish

_____.

20. The children are making too much noise.

→ I wish

_____.

Đáp án bài tập 3

Câu	Đáp án gợi ý	Giải thích
1	I wish I had a car.	Trái với hiện tại (don't have thành had).
2	I wish I had studied harder for the test.	Trái với quá khứ (didn't study thành had studied).
3	I wish she were here with me.	Trái với hiện tại (is not thành were).
4	I wish I could play the piano.	Khả năng hiện tại (cannot thành could).
5	I wish it would stop raining. / I wish it weren't raining.	Mong muốn thay đổi hoặc trái với hiện tại.
6	I wish I hadn't missed the bus this morning.	Trái với quá khứ.
7	I wish he wouldn't speak so loudly.	Phàn nàn thói quen.
8	I wish I hadn't told him the secret.	Hối tiếc quá khứ.
9	I wish I could go to your party.	Khả năng tương lai.
10	I wish my house were bigger. / weren't so small.	Trái với hiện tại.
11	I wish I hadn't bought this old laptop.	Hối tiếc quá khứ.
12	I wish I didn't have to work on Sunday.	Trái với hiện tại.
13	She wishes she knew how to swim.	Trái với hiện tại.
14	We wish we could travel abroad this year.	Khả năng.
15	I wish he would stop interrupting me.	Phàn nàn hành động.
16	I wish I had woken up early enough...	Trái với quá khứ.
17	I wish I were good at Math.	Trái với hiện tại.
18	They wish they hadn't made so many mistakes...	Trái với quá khứ.
19	I wish I knew where she lives.	Trái với hiện tại.
20	I wish the children would stop making noise.	Phàn nàn/mong muốn thay đổi.

Bài tập 4: Tìm và sửa lỗi sai trong câu

1. I wish I can go to the party tonight.
2. She wishes she is a movie star.
3. I wish it didn't rain yesterday.
4. He wishes he will travel around the world.
5. I wish I don't have to get up early.
6. If only I study harder for the last exam.
7. I wish my father stop smoking.
8. She wishes she buy that house last year.
9. I wish I was taller (Formal English).
10. We wish we have a map right now.
11. I wish you won't make so much noise.
12. Tom wishes he visited his grandparents last week.
13. I wish I know the answer to this puzzle.
14. She wishes she can speak French.
15. I wish I didn't say that to him yesterday.
16. They wish they are on holiday now.
17. I wish it doesn't rain tomorrow.
18. He wishes he would be a pilot when he grows up (Ability).
19. I wish I haven't eaten so much.
20. If only I knew about the meeting yesterday.

Đáp án

Câu	Lỗi sai	Sửa lại	Câu	Lỗi sai	Sửa lại
1	can	could	11	won't	wouldn't
2	is	were	12	visited	had visited
3	didn't	hadn't rained	13	know	knew
4	will	could / would	14	can	could
5	don't	didn't	15	didn't say	hadn't said
6	study	had studied	16	are	were
7	stop	would stop	17	doesn't	wouldn't
8	buy	had bought	18	would be	could be
9	was	were	19	haven't	hadn't
10	have	had	20	knew	had known

Bài tập 5: Chia động từ trong đoạn văn (Nâng cao)

Đoạn 1: It's raining heavily today, and I forgot my umbrella. I am soaking wet. I wish it (1. stop) _____ raining. I wish I (2. remember) _____ my umbrella. I wish I (3. be) _____ at home right now, drinking hot chocolate.

Đoạn 2: Last night, John stayed up late to play video games. As a result, he was late for work this morning and his boss was angry. John wishes he (4. not/stay) _____ up late last night. He wishes he (5. go) _____ to bed earlier. He wishes his boss (6. not/shout) _____ at him this morning.

Đoạn 3: Sarah loves music but she cannot play any instrument. She wants to join the school band. Sarah wishes she (7. can/play) _____ the guitar. She wishes she (8. have) _____ more free time to take music lessons. She wishes the band (9. accept) _____ beginners.

Đoạn 4: My roommate, Dave, is very messy. He leaves dirty dishes in the sink and plays loud music at night. I wish Dave (10. wash) _____ his dishes. I wish he (11. not/play) _____ music so loud. I wish I (12. live) _____ alone.

Đáp án bài tập 5

STT	Đáp án	Giải thích
1	would stop	Mong muốn sự việc thay đổi (mưa tạnh).
2	had remembered	Hối tiếc quá khứ (đã quên).
3	were	Ước trái với hiện tại (đang ở ngoài).
4	hadn't stayed	Hối tiếc quá khứ (đã thức khuya).
5	had gone	Hối tiếc quá khứ.
6	hadn't shouted	Hối tiếc quá khứ (sự việc đã xảy ra sáng nay).
7	could play	Ước về khả năng hiện tại.
8	had	Ước trái với hiện tại.
9	would accept	Mong muốn sự thay đổi từ phía ban nhạc.
10	would wash	Phàn nàn về thói quen xấu.
11	wouldn't play	Phàn nàn về thói quen xấu.
12	lived	Ước trái với hiện tại.